

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 07 - 6 - 2023

V/v hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Chung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Mạnh Toàn.

2. Ông Lê Đức Chạc.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Quang Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên toà: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa:

* *Nguyên đơn:* Anh Lê Đăng K, sinh năm 1989; Địa chỉ: Xóm X, xã N, huyện N0, tỉnh Nam Định.

* *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1988; Địa chỉ: Xóm X, xã N, huyện N0, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Thôn S (Thôn Sun), xã C, huyện C0, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà có mặt anh K; vắng mặt chị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như lời khai của anh K thể hiện: anh và chị Nguyễn Thị B kết hôn với nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 09/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã

N, huyện N0. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh K ở xã N, huyện N0. Vợ chồng chung sống đến tháng 07/2021 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị xin được ly hôn với chị B. Về con chung: Anh K xác định anh và chị B có ba con chung là Lê Đăng P, sinh ngày 29/10/2012; Lê Đăng Quốc A, sinh ngày 28/4/2018 và Lê Đăng Bảo M, sinh ngày 20/7/2020, hiện đang ở với chị B. Sau khi ly hôn, anh K đề nghị để chị B trực tiếp nuôi cả ba con chung và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng cho mỗi cháu kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về tài sản chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay chị Nguyễn Thị B vắng mặt nhưng có lời khai xác định: Chị có ý kiến như anh K đã trình bày về quá trình kết hôn, chung sống. Trong quá trình chung sống, vợ chồng cũng có lúc xảy ra mâu thuẫn xung đột song vợ chồng tự thu xếp p được nhưng đến tháng 11 năm 2021 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên nặng nề hơn, nguyên nhân là do anh K có quan hệ với người khác, chị B phát hiện và khuyên ngăn nhưng anh K chửi bới, đánh đập và xúc phạm chị B và có hành vi đe dọa đến con trai thứ ba của vợ chồng. Do lo sợ đến tính mạng của bản thân và các con nên chị B đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng hiện sống ly thân. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn với anh K. Về con chung: chị B xác định chị và anh K có 03 con chung là Lê Đăng P, sinh ngày 29/10/2012; Lê Đăng Quốc A, sinh ngày 28/4/2018 và Lê Đăng Bảo M, sinh ngày 20/7/2020, hiện đang ở với chị B. Sau khi ly hôn, chị B xin trực tiếp nuôi cả ba con chung và yêu cầu anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng cho mỗi cháu kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: chị B cho rằng vợ chồng có tài sản chung gồm 01 ngôi nhà 02 tầng, công trình vệ sinh khép kín, xây năm 2017, trị giá 700.000.000 đồng và 02 xe máy và đề nghị Tòa án chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình: công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đăng K và chị Nguyễn Thị B. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi cả ba cháu là Lê Đăng P, Lê Đăng Quốc A và Lê Đăng Bảo M; anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng. Về tài sản chung: không đặt ra xem xét, giải quyết;

đề nghị áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, nghị quyết 326/2016/UBTVQH/14, đề nghị Tòa án tuyên án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tũa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tũa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Đương sự không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa anh Lê Đăng K, chị Nguyễn Thị B trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 09/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Hưng là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh K, chị B có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện nay anh K, chị B đã sống ly thân và không còn tình cảm với nhau. Anh K và chị B đều nhất trí ly hôn nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh K và chị B là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh Lê Đăng K, chị Nguyễn Thị B có 03 con chung là Lê Đăng P, sinh ngày 29/10/2012; Lê Đăng Quốc A, sinh ngày 28/4/2018 và Lê Đăng Bảo M, sinh ngày 20/7/2020, hiện đang ở với chị B. Sau khi ly hôn, anh K, chị B có ý kiến trình bày thống nhất là chị B sẽ trực tiếp nuôi cả ba cháu Lê Đăng P, Lê Đăng Quốc A và Lê Đăng Bảo M. Do vậy giao cho chị B trực tiếp nuôi cả ba cháu Lê Đăng P, Lê Đăng Quốc A và Lê Đăng Bảo M là phù hợp, đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần và theo nguyện vọng của cháu Phương, theo Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; anh K có trách nhiệm cấp dưỡng cho mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Chị B cho rằng vợ chồng có tài sản chung gồm 01 ngôi nhà 02 tầng, công trình vệ sinh khép kín, xây năm 2017, trị giá 700.000.000 đồng và 02 xe máy và đề nghị Tòa án chia tài sản chung theo quy định của pháp luật. Tòa án đã yêu cầu chị B cung cấp tài liệu và đã thông báo cho chị B nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn (Thông báo số 08/TB-TA ngày 01/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng). Chị B trình bày hoàn cảnh khó khăn. Tòa án đã hướng dẫn chị B làm thủ tục miễn, giảm tiền tạm ứng án phí theo Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội nhưng hết thời

gian theo quy định chị B không thực hiện việc nộp tạm ứng án phí theo quy định nên Tòa án không giải quyết yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của chị B.

Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung vợ chồng nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Xử thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đăng K và chị Nguyễn Thị B.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi cả ba cháu Lê Đăng P, sinh ngày 29/10/2012, Lê Đăng Quốc A, sinh ngày 28/4/2018 và Lê Đăng Bảo M, sinh ngày 20/7/2020. Anh K có trách nhiệm cấp dưỡng cho mỗi con chung là 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 06/2023 cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hiện nay các con đang ở với chị B. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Đăng K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 3000.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000774 ngày 11/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng. Anh K còn phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt anh K; vắng mặt chị B. Anh K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Tũa án Tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Nghĩa Hưng: 02 bản
- THADS huyện Nghĩa Hưng: 01 bản
- UBND xã Nghĩa Trung: 01 bản
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Chúng